

Đơn vị: TRƯỜNG THCS YÊN THỌ
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

Biểu 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 12 tháng 07 năm 2023
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.
Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-PGD&ĐT thị xã Đông Triều ngày 27/12/2022 của PGD Đông Triều về giao dự toán NS năm 2023.

Trường THCS Yên Thọ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2023 như sau:
ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Thực hiện quý II năm 2023	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.984.000.000	1.637.473.510	55	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.984.000.000	1.637.473.510	55	
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2.445.000.000</u>	<u>1.401.607.193</u>		
	Mục 6000: Tiền lương	1.330.000.000	799.637.552	60	145
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	835.000.000	375.658.152	45	68
	Mục 6200: Tiền thưởng	15.000.000		0	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	15.000.000		0	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	250.000.000	219.546.889	88	40
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		6.764.600		1

<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>509.000.000</u>	<u>217.115.117</u>	43	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	25.000.000	14.268.417	57,07	45,70
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	130.000.000	101.756.000	78,27	325,93
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	30.000.000	6.444.900	21,48	20,64
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000		0,00	0,00
	Mục 6700: Công tác phí	20.000.000	6.160.000	30,80	19,73
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	50.000.000	20.740.800	41,48	66,43
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	60.000.000		0,00	0,00
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	60.000.000		0,00	0,00
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	114.000.000	67.745.000	59,43	54,47
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000		0	-
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>30.000.000</u>	<u>18.751.200</u>	63	
	Mục 7750: Chi khác	30.000.000	18.751.200	63	179
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Thịnh